

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 03**

**Cấp đổi giấy phép môi trường**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ (1)**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	01	Bản chính
2	Hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.	01	Bản sao

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố ( <a href="http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn">http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn</a> ) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.	Tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp đổi.	Không quy định

<sup>1</sup> Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC:**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</li> </ul> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p> <p><b>2. Trường hợp tổ chức/cá nhân không thể nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Rà soát hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì <b>chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trả hồ sơ</b>				
	<b>Tổng hợp các nội dung chưa phù hợp, dự thảo văn bản trả hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	2,75 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Cấp đổi Giấy phép môi trường</b>				
	<b>Thẩm định nội dung, dự thảo Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	2,75 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường sau khi xem xét nội dung cấp đổi. <b>Chuyển sang bước B4</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>(cấp đổi)</i>				
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	02 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	03 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hện	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

#### IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả ( <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ( <i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ( <i>Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày</i>

		23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
5	BM 05	Giấy phép môi trường (cấp đổi) (Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

BM 01

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày .... tháng ..... năm .....

### GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....



Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu  
mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là  
biểu mẫu điện tử)*

**BM 03**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)

---

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ***(Phụ lục XIV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v Đề nghị cấp đổi giấy phép  
môi trường của dự án, cơ sở (2)*Địa danh, ngày ... tháng ... năm....*

Kính gửi: (3)

Chúng tôi là: (1), chủ đầu tư dự án, cơ sở (2).

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, (1) đề nghị  
(3) xem xét, cấp đổi giấy phép môi trường với các thông tin cụ thể như sau:1. Thông tin về giấy phép môi trường đã được cấp: Giấy phép môi trường số  
.../GPMT-.... ngày....tháng...năm....

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: .....

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở: .....

2. Thông tin đề nghị thay đổi trong giấy phép môi trường của (2).

- Tên dự án đầu tư, cơ sở: .....

- Tên chủ đầu tư dự án, cơ sở: .....

(Chi liệt kê những thay đổi và thuộc trường hợp cấp đổi giấy phép môi trường)

3. Địa chỉ liên hệ của (1): .....

- Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ .....

- Điện thoại: ..... ; Fax: ..... ; E-mail: .....

Chúng tôi xin gửi đến (3) Bản Phụ lục kèm theo Văn bản này, gồm: *Liệt kê danh mục các tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chứng minh pháp nhân hợp lệ của (1) đối với (2).*

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các hồ sơ, tài liệu được cung cấp kèm theo văn bản này, đồng thời cam kết không thay đổi các nội dung khác của Giấy phép môi trường số..../GPMT-.... ngày .... tháng .... năm... nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp đổi giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ....;
- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...**  
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Tên chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

**BM 05****GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG***(Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)***TÊN CƠ QUAN  
CẤP PHÉP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----  
Số: .../GPMT------  
(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)***Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;**Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp Giấy phép môi trường;**Căn cứ ...;**Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày...tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;**Theo đề nghị của (2).***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1:** *Cấp phép cho (tên tổ chức/cá nhân), địa chỉ tại (ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú/CCCD) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở (tên cơ sở được cấp giấy phép, địa chỉ của cơ sở theo đơn vị hành chính) với các nội dung như sau:***1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:****1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở:**

1.2. Địa điểm hoạt động:

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

1.4. Mã số thuế:

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: *(đối với dự án đầu tư khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp cần ghi rõ các ngành, nghề được thu hút đầu tư).*

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

*(Chỉ ghi những nội dung được cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường)*

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Được phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.6. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.7. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Giấy phép này (nếu có).

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. *(Tên tổ chức/cá nhân)* có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải



sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: ..... năm (từ ngày.... tháng..... năm..... đến ngày.... tháng.....năm .....).

Giấy phép môi trường số ..., cấp ngày .... tháng.... năm.... hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực (*chỉ ghi trong trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy phép môi trường*).

**Điều 4.** Giao (2), (4) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án, cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh/TP... (trường hợp Bộ TN&MT cấp phép);
- UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép);
- Ban QL KCN, KKT (đối với dự án, cơ sở nằm trong khu KCN, KKT);
- Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cấp phép;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia (đối với dự án, cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất);
- Lưu..., website,...

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CẤP PHÉP (3)**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

***Ghi chú:***

- (1) Cơ quan cấp phép là cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường; (2) Cơ quan chuyên môn tham mưu việc cấp phép môi trường cho (1);
- (3) Thủ trưởng của Cơ quan cấp phép là Thủ trưởng của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường;
- (4) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tại địa phương đối với trường hợp giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện cấp.

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO  
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:** *(nêu từng nguồn phát sinh nước thải tại dự án, cơ sở: sinh hoạt, sản xuất...)*

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải** *(trường hợp có từ 02 dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận trở lên, các dòng nước thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng nước thải thứ nhất):*

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: ghi rõ tên, vị trí hành chính *(thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường, thị trấn; huyện/quận, thị xã, thành phố; tỉnh/thành phố)* của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi dòng nước thải xả vào.

2.2. Vị trí xả nước thải *(nêu rõ vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận):*

- Thôn, ấp/tổ, khu phố.....xã/phường, thị trấn.....huyện/quận, thị xã, thành phố.....  
tỉnh/thành phố.....

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực..., múi chiều...)*.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:..... m<sup>3</sup>/ngày đêm ..... m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải (ghi rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bom, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng, ...).*

2.3.2. *Chế độ xả nước thải (ghi rõ xả nước thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).*

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1					
2					
...					

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải (*trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất*):

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Công suất thiết kế:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này):

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (*nếu có*) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*):

- Số lượng:

- Vị trí lắp đặt:

- Thông số lắp đặt:

- Thiết bị lấy mẫu tự động:

- Camera theo dõi:

- Kết nối, truyền số liệu:

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (*nếu có*):

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm (*nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm*):**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (*ghi rõ khoảng thời gian*):

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định):

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi (nếu có).

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải** (nêu từng nguồn phát sinh bụi, khí thải tại dự án, cơ sở):

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải** (trường hợp có từ 02 dòng khí thải xả vào môi trường không khí trở lên, các dòng khí thải tiếp theo được mô tả tương tự dòng khí thải thứ nhất):

2.1. Vị trí xả khí thải (nêu rõ vị trí tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục..., múi chiều...).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:..... m<sup>3</sup>/ngày đêm ..... m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải (ghi rõ xả khí thải là liên tục (24 giờ) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1					
2					
...					

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải (trường hợp có từ 02 công trình, thiết bị trở lên, các công trình, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự công trình, thiết bị thứ nhất):

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Công suất thiết kế:

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này):

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có) (trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất):

- Số lượng:

- Vị trí lắp đặt:

- Thông số lắp đặt:

- Camera theo dõi:

- Kết nối, truyền số liệu:

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có):

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm** (nếu thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm):

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm (ghi rõ khoảng thời gian):

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu (ghi rõ tần suất theo quy định):

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung** (nêu từng nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án, cơ sở: Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất):

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung** (nêu rõ vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu...).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1				Khu vực đặc biệt
2				Khu vực thông thường
...				

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1				Khu vực đặc biệt
2				Khu vực thông thường
...				

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**



- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*.
- 2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*.

**Phụ lục 4****NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:****1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại:**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	...	...	...
...	...	...	...

**2. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng:**

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý	Khối lượng (kg/năm)
1	...	...	...	...
...	...	...	...	...

*Ghi chú: Đối với bãi chôn lấp hoặc bể đóng kín thì tính theo thể tích của bãi chôn lấp hoặc bể đóng kín (thay vì ghi khối lượng)*

**3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại:**

TT	Tên trạm trung chuyển	Địa điểm
1	...	...
...	...	...

**4. Địa bàn hoạt động:**

TT	Vùng	Tỉnh
1	...	...
...	...	...

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:****1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:**

1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải (nêu quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa):

1.2. Kho/khu lưu chứa chất thải trong nhà (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà:
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà:
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn):

1.3. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại (*trường hợp có từ 02 trạm trung chuyển trở lên, các trạm trung chuyển tiếp theo được mô tả tương tự trạm trung chuyển thứ nhất*):

- Diện tích trạm trung chuyển:
- Diện tích kho/khu vực lưu chứa chất thải tại trạm trung chuyển:
- Thiết kế, cấu tạo của trạm trung chuyển:
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn):

**2. Hệ thống, công trình, thiết bị sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại** (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống thứ nhất*):

- Tóm tắt quy trình công nghệ sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại:
- Công suất thiết kế (tấn/năm):
- Sản phẩm sau sơ chế, tái chế, xử lý (nếu có):

**3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:**

3.1. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (*nếu có*).

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (*nếu có*).

**Phụ lục 5****NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM  
NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG***(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU:**

1. Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu:

TT	Tên phế liệu nhập khẩu	Mã HS	Khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu (tấn/năm)
1	...	...	Tổng khối lượng theo nhóm phế liệu có chung mã HS 04 số (sắt thép; nhựa; giấy; thủy tinh; từng kim loại màu).
...	...	...	

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT:**

**1. Hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu** (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*):

- Loại phế liệu sử dụng:
- Tóm tắt quy trình công nghệ trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu:
- Công suất thiết kế (tấn/năm):
- Hệ số hao hụt:
- Sản phẩm (tấn/năm):

**2. Biện pháp, phương án xử lý các tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu:**

2.1. Hệ thống, thiết bị xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu (nếu có) (*trường hợp có từ 02 hệ thống, thiết bị trở lên, các hệ thống, thiết bị tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, thiết bị thứ nhất*):

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý tạp chất:
- Công suất thiết kế (tấn/năm):

2.2. Phương án chuyển giao, xử lý các tạp chất: Phải ký hợp đồng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật.

**3. Yêu cầu đối với kho lưu giữ phế liệu nhập khẩu** (*trường hợp có từ 02 kho lưu giữ phế*

*liệu nhập khẩu trở lên, các kho lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu giữ thứ nhất):*

- Diện tích kho lưu giữ:
- Thiết kế, cấu tạo của kho:
- Vật liệu làm tường và vách ngăn:
- Biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong:
- Hệ thống thu gom nước mưa:
- Hệ thống thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh:
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn):

**4. Bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu** *(trường hợp có từ 02 bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu trở lên, các bãi lưu giữ tiếp theo được mô tả tương tự bãi lưu giữ thứ nhất):*

- Diện tích bãi lưu giữ:
- Thiết kế, cấu tạo của bãi:
- Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn qua bãi phế liệu:
- Biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ bãi lưu giữ phế liệu:
- Khả năng lưu giữ tối đa (tấn):

#### **5. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:**

5.1. Chỉ được phép nhập khẩu khối lượng phế liệu đảm bảo sức chứa của kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; chỉ được sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất tại dự án, cơ sở của mình; nhập khẩu đúng chủng loại, khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu quy định trong Giấy phép môi trường này.

5.2. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.3. Phải tái xuất đối với những lô hàng phế liệu nhập khẩu không đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; Trường hợp không thể tái xuất, phải thỏa thuận với đơn vị có đủ năng lực để xử lý, tiêu hủy chất thải, phế liệu vi phạm theo quy định pháp luật.

5.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*.

5.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*.

**Phụ lục 6****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên (*ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*):

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh (*ghi rõ chủng loại, khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*):

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (*ghi rõ khối lượng phát sinh theo tháng hoặc theo năm*):

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa (*ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa*):

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa (*ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa*):

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất*):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa (*ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa*):

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa (*trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho/khu vực lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho lưu chứa thứ nhất*):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa:
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa:

**3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải** (*nếu có, bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm*)

**3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại** (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất*):

- Loại chất thải nguy hại tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:
- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm):
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:
- Công suất thiết kế (tấn/năm):

**3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt** (*trường hợp có từ 02 hệ thống, công trình, thiết bị trở lên, các hệ thống tiếp theo được mô tả tương tự hệ thống, công trình, thiết bị thứ nhất*):

- Loại chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:
- Khối lượng chất thải tự xử lý, tái chế, tái sử dụng (tấn/năm):
- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý, tái chế, tái sử dụng:
- Công suất thiết kế (tấn/năm):

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG** (*nếu có*)

- Ghi rõ các yêu cầu phòng ngừa sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường phải thực hiện.

**Phụ lục 7****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG** *(nếu có).*

*Ghi rõ các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường, kinh phí, thời gian thực hiện.*

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC** *(nếu có).*

*Ghi rõ các nội dung bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.*

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

*(Chỉ ghi Phần này trong trường hợp dự án đầu tư/cơ sở được thực hiện theo nhiều giai đoạn, có nhiều công trình, hạng mục công trình và chưa hoàn thành hết các nội dung trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường)*

*Ghi rõ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường) mà chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.*

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG** *(nếu có)*

*- Ghi rõ các yêu cầu liên quan đến quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các nội dung quản lý môi trường khác (nếu có).*

*- Ghi rõ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác mà chủ dự án/cơ sở phải tiếp tục thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật.*



**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 04**

**Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ (1)**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	01	Bản chính

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

**a) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<p>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (<a href="http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn">http://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</a>) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	Tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh

<sup>1</sup> Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành

b) **Lệ phí** (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	5.800.000	-
Đối tượng 2	5.800.000	-
Đối tượng 3	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	3.500.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

\* Quy trình cấp giấy phép môi trường điều chỉnh: 15 ngày (theo khoản 2 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.</li> </ul> <p><b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thành</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p> <p><b>2. Trường hợp tổ chức/cá nhân không thể nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b> - Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Rà soát, thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b <sup>(2)</sup> => <b>Chuyển sang B3.2</b>

<sup>2</sup> Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.1	<i>Tổng hợp các nội dung chưa phù hợp, dự thảo văn bản trả hồ sơ</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
B3.2	<i>Thẩm định nội dung, dự thảo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh)</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	04 ngày		Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC kiểm tra hồ sơ hoặc hồ sơ sau khi Chủ dự án nộp lại. - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (điều chỉnh) => <b>Chuyển sang B3.2.1</b> - Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (điều chỉnh) => <b>Chuyển sang B3.2.2</b>
B3.2.1	<i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày	<i>Mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường (điều chỉnh). <b>Chuyển sang bước B4</b>
B3.2.2	<i>Tổng hợp, tham mưu</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày		Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển</b>

*chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”*

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>nội dung trả hồ sơ</i>				sang bước B4
B4	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	2,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
B5	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	03 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
B6	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
B7	Trả kết quả, thống kê và theo dõi	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

#### IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ( <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ( <i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy phép môi trường điều chỉnh (Mẫu số 41 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

## V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên



và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**BM 01**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ****Mã hồ sơ:.....**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:.....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Thành phần hồ sơ nộp gồm:

1 .....

2 .....

3 .....

4 .....

Số lượng hồ sơ: ..... (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: ..... ngày

Thời gian nhận hồ sơ: ....giờ.... phút, ngày ... tháng ...năm....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:.... giờ..., phút, ngày ... tháng....năm....

Đăng ký nhận kết quả tại: .....

Vào Sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số: ..... Số thứ tự.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)*

***Ghi chú:***

- Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hện trả kết quả được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa;
- Tổ chức, cá nhân có thể đăng ký nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa hoặc tại nhà (trụ sở tổ chức) qua dịch vụ bưu chính.

**BM 02**

*(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)*

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
**TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN  
TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../HDHS

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ**

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

1.....

Lý do: .....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, Ông/Bà liên hệ với  
..... số điện thoại ..... để được hướng dẫn./.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*(Chữ ký số của Người hướng dẫn nếu là biểu  
mẫu điện tử)*

**BM 03**

(Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP  
ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ)

TÊN CẤP TỈNH (hoặc) BỘ,  
NGÀNH/CẤP HUYỆN/CẤP XÃ  
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH  
CHÍNH CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP  
NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTPVHCC (BPTNTKQ)

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa: .....

Tiếp nhận hồ sơ của: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: ..... Email: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Qua xem xét, Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau: .....

.....

.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
(Chữ ký số của Người tiếp nhận hồ sơ nếu  
là biểu mẫu điện tử)

**Ghi chú:** Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Phiếu được lập thành 2 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

**BM 04****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, CƠ SỞ***(Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v Đề nghị cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại  
giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)*Địa danh, ngày ... tháng ... năm.....*

Kính gửi: (3).....

1. Chúng tôi là: (1), Chủ đầu tư dự án, cơ sở (2) thuộc mục số ... Phụ lục...ban hành kèm theo Nghị định số .../.../ND-CP ngày .... tháng .... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, dự án, cơ sở (2) thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (3).

- Dự án, cơ sở (2) đã được (3) cấp Giấy phép môi trường số: ..../GPMT-..... ngày.... tháng....năm..... *(chỉ nêu trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường, trừ trường hợp cấp điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường).*

2. Địa chỉ trụ sở chính của (1):

3. Địa điểm thực hiện dự án, cơ sở (2):

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:.....ngày ..... của (1) hoặc các giấy tờ tương đương.

4. Người đại diện theo pháp luật của (1):..... Chức vụ:.....

- Điện thoại: .....; Fax:.....; E-mail: .....

5. Người liên hệ trong quá trình tiến hành thủ tục: ..... Chức vụ: ...

Điện thoại: .....; Email: .....

Trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường thì nêu bổ sung mục 6 dưới

đây:

6. Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường:

Phần này nêu rõ nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, lý do đề nghị cấp điều chỉnh.

Chúng tôi xin gửi đến (3) hồ sơ gồm (trừ trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường):

- 01 bản Báo cáo đề xuất cấp/cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (2);

- 01 bản Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (2) (chỉ gửi trong trường hợp dự án (2) không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường);

- 01 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản tương đương với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả hồ sơ kèm theo văn bản tương đương) có nội dung nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (Chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở có đề nghị nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất).

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) xem xét cấp/cấp điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường của dự án, cơ sở (2)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ...(1)...**

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

**Ghi chú:** (1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; (2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở; (3) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của (2).

Biểu mẫu này không áp dụng cho trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép môi trường quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

**BM 05****GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

(Mẫu số 41 Phụ lục II phần phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số: .../GPMT-

-----  
(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
(Cấp điều chỉnh lần...)  
CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp giấy phép môi trường;*

*Căn cứ ...;*

*Căn cứ Giấy phép môi trường số... của (tên tổ chức/cá nhân được cấp phép) ngày...tháng...năm...;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số... của (tên tổ chức/cá nhân được cấp phép) ngày...tháng... năm...;*

*Theo đề nghị của (2),*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số ... của (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép), có địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số ...

**Điều 2.** (Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy



phép môi trường số ... và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số ... hết hiệu lực./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
CẤP PHÉP (3)**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

***Nơi nhận:***

- Chủ dự án, cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh/TP... (trường hợp Bộ TN&MT cấp phép);
- UBND huyện/quận/thị xã/TP trực thuộc tỉnh (trường hợp UBND tỉnh hoặc Sở TN&MT cấp phép);
- Ban QLKCN, KKT (đối với dự án, cơ sở nằm trong khu KCN, KKT);
- Cổng Thông tin điện tử của cơ quan cấp phép;
- Cổng Thông tin một cửa quốc gia (đối với dự án, cơ sở có nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất);
- Lưu, website, ..

***Ghi chú:***

- (1) Cơ quan cấp phép là cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường;
- (2) Cơ quan được giao thực hiện tổ chức cấp phép;
- (3) Thủ trưởng của Cơ quan cấp phép là Thủ trưởng của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục****NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số... ngày ... tháng ... năm ... của ...)*

*(Chỉ ghi những nội dung điều chỉnh)*

1. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải (nếu có);
2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải (nếu có);
3. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có);
4. Điều chỉnh nội dung cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và yêu cầu về bảo vệ môi trường (nếu có);
5. Điều chỉnh nội dung cấp phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và yêu cầu bảo vệ môi trường (nếu có);
6. Các điều chỉnh khác (nếu có);
7. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo (nếu có) đối với nội dung điều chỉnh.

**QUY TRÌNH ĐÃ TÁI CẤU TRÚC**  
**QUY TRÌNH 05**

**Cấp lại giấy phép môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ (1)**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở <i>(mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>	01	Bản chính
2	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được quy định theo từng đối tượng như sau: - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường <i>(mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i> ; - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II <i>(mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i> ; - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III <i>(mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i> ; - Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi	01	Bản chính

<sup>1</sup> Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành

	trường tương đương với dự án nhóm III ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> )		
3	Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng (riêng đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường)	01	Bản sao

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

**c) Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian xử lý**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp: tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Trực tuyến: tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố (<a href="http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn">http://dichvucong.hochiminhcity.go.vn</a>) và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa - Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</li> <li>- Tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</li> <li>- Tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</li> </ul>

**d) Lệ phí** (theo quy định tại Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)

Đối tượng	Mức phí (Đồng/hồ sơ)	
	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố	Thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức
Đối tượng 1	13.500.000	-

Đối tượng 2	9.600.000	-
Đối tượng 3	19.300.000	9.600.000
Đối tượng 4	5.800.000	3.500.000
Đối tượng 5	4.200.000	4.200.000

Trong đó:

- Đối tượng 1: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 2: Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đối tượng 3: Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Đối tượng 4: Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động.

- Đối tượng 5:

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;

+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

- Mức phí không bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định. Trong trường hợp cần thiết phải lấy mẫu chất thải thì việc xác định số lượng mẫu, chỉ tiêu phân tích mẫu và đơn vị lấy mẫu do Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Đoàn kiểm tra hoặc Tổ kiểm tra quyết định.

- Không quy định về đối tượng miễn, giảm phí đối với tất cả các đối tượng.

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

1) Quy trình cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh và cấp huyện): 20 ngày (theo điểm a khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>lý hoặc không hợp lệ; lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.</li> </ul> <p><b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức,</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu. Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b <sup>(2)</sup> . <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trả hồ sơ</b>				
	<b>Dự thảo</b>	Chuyên	03 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình

<sup>2</sup> Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>văn bản</i>	viên thụ lý giải quyết TTHC			và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2</b>	<b><i>Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</i></b>				
<b>B3.2.1</b>	<b><i>Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</i></b>	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
<b>B3.2.2</b>	<b><i>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</i></b>				
<b>B3.2.2.1</b>	<b><i>Dự thảo Quyết định/Thông báo</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	<i>Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
<b>B3.2.2.2</b>	<b><i>Xem xét, ký nội dung trình</i></b>	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo
<b>B3.2.2.3</b>	<b><i>Ký duyệt</i></b>	Lãnh đạo	01 ngày		Xem xét, ký ban

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>ban hành</i>	Ban Quản lý KCNC			hành Quyết định/Thông báo
<i>B3.2.2.4</i>	<i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
<i>B3.2.2.5</i>	<i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
<i>B3.2.2.6</i>	<i>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày	<p>- Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</p> <p>- Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</p>	<p>- Tổ chức hội đồng/tổ thẩm định, lập biên bản họp hội đồng/tổ thẩm định theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</p> <p>- Tổng hợp ý kiến</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).</p>
B3.2.3	<p><b>Tổng hợp hồ sơ thẩm định</b></p>		02 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi hợp thẩm định hoặc tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ =&gt; <b>Chuyển sang B3.2.3.1</b></li> <li>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.2.3.2</b>
<b>B3.2.3.1 Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>					
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2.3.2 Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>					
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	03 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	02 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường (cấp lại). <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,75 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	quả				quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

**2) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh): 30 ngày (theo điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức		Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
<b>B1</b>	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Giờ hành chính	Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02 - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b <sup>(3)</sup> . <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trả hồ sơ</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</b>				
<b>B3.2.1</b>	<b>Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</b>	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

<sup>3</sup> Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B3.2.2	<b>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</b>				
B3.2.2.1	<b>Dự thảo Quyết định/Thông báo</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	<i>Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
B3.2.2.2	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo
B3.2.2.3	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
B3.2.2.4	<b>Lấy số Quyết định/Thông báo</b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
B3.2.2.5	<b>Ban hành Quyết định/Thông báo</b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
B3.2.2.6	<b>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	15 ngày	- <i>Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-</i>	- Tổ chức hội đồng/tổ thẩm định, lập biên bản họp hội đồng/tổ thẩm định theo <i>Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo</i>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>khu vực thực hiện dự án để thẩm định</i>			<i>BTNMT; - Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>	<p><i>Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i></p> <p><i>- Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i></p> <p><i>- Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm</i></p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).
<b>B3.2.3</b>	<b>Tổng hợp hồ sơ</b>		03 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp thẩm định hoặc tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ =&gt; <b>Chuyển sang B3.2.3.1</b></li> <li>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường =&gt; <b>Chuyển sang B3.2.3.2</b></li> </ul>
<b>B3.2.3.1</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	<i>Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2.3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	02 ngày	<i>Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo</i>	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B4</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>môi trường</i>			<i>Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i>	
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	2,25 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	2,5 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; <b>phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

**3) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp huyện): 30 ngày (theo điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<p><b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</li> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></li> <li>- Trường hợp không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</li> <li>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.</li> </ul> <p><b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức,</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p> cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p> Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
<b>B2</b>	<b>Chuyển hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	<p>Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định =&gt; <b>Chuyển sang B3.1</b></li> <li>- Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b<sup>(4)</sup>. <b>Chuyển sang B3.2</b></li> </ul>

<sup>4</sup> Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh”

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trả hồ sơ</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</b>				
<b>B3.2.1</b>	<b>Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</b>	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin điện tử	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
<b>B3.2.2</b>	<b>Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định/ Đoàn kiểm tra/ Tổ kiểm tra và thông báo kế hoạch khảo sát thực tế (trường hợp không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường)</b>				
<b>B3.2.2.1</b>	<b>Dự thảo Quyết định/Thông báo</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 22, 23, 24, 25 và 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định/Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra hoặc Thông báo kế hoạch khảo sát
<b>B3.2.2.2</b>	<b>Xem xét, ký</b>	Lãnh đạo	0,5 ngày		Xem xét, ký xác

chính giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>nội dung trình</i>	Phòng QHXDMT			nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định/Thông báo
<b>B3.2.2.3</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định/Thông báo
<b>B3.2.2.4</b>	<b>Lấy số Quyết định/Thông báo</b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Lấy số Quyết định/Thông báo, đóng dấu, lưu hồ sơ.
<b>B3.2.2.5</b>	<b>Ban hành Quyết định/Thông báo</b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định/Gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân
<b>B3.2.2.6</b>	<b>Tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Tổ thẩm định hoặc Kiểm tra thực tế khu vực thực hiện dự án để thẩm định</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	20 ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu số 27, 28, 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;</li> <li>- Mẫu số 30, 31, 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức hội đồng/tổ thẩm định, lập biên bản họp hội đồng/tổ thẩm định <i>theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i></li> <li>- Tổ chức đoàn/ tổ kiểm tra <i>theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i>, lập biên bản kiểm tra cấp giấy phép môi trường <i>theo Mẫu số 29 Phụ lục II ban</i></li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p><i>hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.</i></p> <p>- Tổng hợp ý kiến của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định) hoặc mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét của Đoàn kiểm tra/Tổ kiểm tra tại địa điểm triển khai dự án).</p>
<b>B3.2.3</b>	<b>Tổng hợp hồ sơ</b>		02 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi hợp thẩm định hoặc tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <p>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					thiện hồ sơ => <b>Chuyển sang B3.2.3.1</b> - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường => <b>Chuyển sang B3.2.3.2</b>
<b>B3.2.3.1</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2.3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<b>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B4</b>	<b>Xem xét, ký nội dung trình</b>	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	<b>Ký duyệt ban hành</b>	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang</b>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<b>bước B5</b>
<b>B6</b>	<b>Phát hành văn bản/kết quả</b>	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

**4) Quy trình thẩm định và cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh và cấp huyện): 15 ngày (theo điểm b khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
<b>B1</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân, tổ chức	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả		Theo mục I Theo Mẫu BM 01, BM 02, BM 03	<b>1. Tiếp nhận trực tiếp:</b> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mục I (không muộn hơn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận) và ghi rõ lý do theo BM02</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả trao cho người nộp hồ sơ theo BM01. Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC. <b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp hồ sơ không đúng thẩm quyền, không thuộc đối tượng, không đảm bảo tính pháp lý hoặc không hợp lệ: lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM03.</p> <p><b>2. Tiếp nhận qua Công Dịch vụ công trực tuyến</b></p> <p>- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <p>- Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					<p>điều kiện để tiếp nhận, Công chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình, chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn giải quyết TTHC.</p> <p><b>Chuyển sang bước B2.</b></p> <p>- Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.</p> <p>Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận, trừ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ theo quy định.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,25 ngày	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng Quy hoạch - Xây dựng và Môi

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					trường thụ lý hồ sơ.
<b>B3</b>	<b>Thẩm định hồ sơ</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	1,75 ngày	Theo mục I	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC xem xét đối tượng và nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp với quy định => <b>Chuyển sang B3.1</b> - Trường hợp hồ sơ phù hợp với quy định thì yêu cầu cá nhân/tổ chức nộp phí theo quy định tại mục II.b <sup>(5)</sup> . <b>Chuyển sang B3.2</b>
<b>B3.1</b>	<b>Trả hồ sơ</b>				
	<b>Dự thảo văn bản</b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	-	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản trả hồ sơ do chưa phù hợp với quy định. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2</b>	<b>Thẩm định nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường</b>				
<b>B3.2.1</b>	<b>Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường</b>	Văn phòng KCNC - Ban Biên tập trang thông tin	0,5 ngày		Theo quy định tại điểm a khoản 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

<sup>5</sup> Theo khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh “1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thực hiện nộp phí thẩm định trong thời gian 05 ngày làm việc tính từ ngày nộp hồ sơ...”

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý KCNC</i>	điện tử			
<b>B3.2.2</b>	<b><i>Ban hành Quyết định thành lập Tổ thẩm định</i></b>				
<b>B3.2.2.1</b>	<b><i>Dự thảo Quyết định</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	0,5 ngày	Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	Dự thảo Phiếu trình và Quyết định thành lập Tổ thẩm định
<b>B3.2.2.2</b>	<b><i>Xem xét, ký nội dung trình</i></b>	Lãnh đạo Phòng QHXDMT	0,5 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và dự thảo Quyết định
<b>B3.2.2.3</b>	<b><i>Ký duyệt ban hành</i></b>	Lãnh đạo Ban Quản lý KCNC	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Quyết định
<b>B3.2.2.4</b>	<b><i>Lấy số Quyết định/Thông báo</i></b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Lấy số Quyết định, đóng dấu, lưu hồ sơ.
<b>B3.2.2.5</b>	<b><i>Ban hành Quyết định/Thông báo</i></b>	Văn phòng KCNC	0,25 ngày		Phát hành Quyết định đến các thành viên có tên trong Quyết định đến tổ chức, cá nhân
<b>B3.2.2.6</b>	<b><i>Tổ chức họp Tổ thẩm định</i></b>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	05 ngày		- Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
				kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT	của thành viên trong quá trình thẩm định cấp giấy phép môi trường <i>nộp về theo mẫu số 30, 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (Bản nhận xét và Phiếu thẩm định của Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định)</i>
<b>B3.2.3</b>	<b>Tổng hợp hồ sơ</b>		02 ngày		<p>Chuyên viên thụ lý rà soát hồ sơ sau khi họp Tổ thẩm định hoặc tiếp nhận hồ sơ của chủ dự án nộp lại sau khi chỉnh sửa, bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường, cần hoàn thiện hồ sơ =&gt; <b>Chuyển sang B3.2.3.1</b></li> <li>- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường =&gt; <b>Chuyển sang B3.2.3.2</b></li> </ul>
<b>B3.2.3.1</b>	<b>Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung</b>				

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
	<i>Dự thảo văn bản</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và nội dung văn bản chưa đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường (nêu rõ lý do) hoặc đề nghị chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B3.2.3.2</b>	<b>Đủ điều kiện cấp giấy phép môi trường</b>				
	<i>Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường</i>	Chuyên viên thụ lý giải quyết TTHC	01 ngày	Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.	Dự thảo Phiếu trình và Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B4</b>
<b>B4</b>	Xem xét, ký nội dung trình	Lãnh đạo Phòng Quy hoạch – Xây dựng và Môi trường	0,75 ngày		Xem xét, ký xác nhận nội dung Phiếu trình và ký vào dự thảo Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B5</b>
<b>B5</b>	Ký duyệt ban hành	Lãnh đạo Ban Quản lý	01 ngày		Xem xét, ký ban hành Giấy phép môi trường. <b>Chuyển sang bước B6</b>
<b>B6</b>	Phát hành văn bản/kết quả	Văn thư - Ban Quản lý	0,25 ngày	Hồ sơ đã được phê duyệt	Lấy số văn bản, đóng dấu văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định; phát hành kết quả giải quyết TTHC và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
					quả - Ban Quản lý. <b>Chuyển sang bước B7</b>
<b>B7</b>	<b>Trả kết quả, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Theo thời gian trả trên hệ thống dịch vụ công/giấy hẹn	Kết quả giải quyết TTHC	- Trả kết quả cho Tổ chức, đơn vị. - Thống kê, theo dõi theo quy định.

#### IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ( <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ( <i>Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ( <i>Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018</i> ).
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> )
5	BM 05	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> )
6	BM 06	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp cơ sở, dự án đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> )
7	BM 07	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp dự án đầu tư nhóm III ( <i>mẫu quy định tại Phụ</i>

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
		<i>lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>
8	BM 08	Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở: Trường hợp cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III ( <i>mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i> )
9	BM 09	Quyết định thành lập hội đồng thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư ( <i>Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
10	BM 10	Quyết định thành lập tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư ( <i>Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
11	BM 11	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở ( <i>Mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
12	BM 12	Quyết định thành lập tổ kiểm tra trong trường hợp cấp lại giấy phép môi trường cho cơ sở đang hoạt động thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện ( <i>Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
13	BM 13	Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát thực tế trong trường hợp cấp lại giấy phép môi trường cho dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường ( <i>Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
14	BM 14	Biên bản khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường ( <i>Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
15	BM 15	Biên bản họp hội đồng thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư ( <i>Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
16	BM 16	Biên bản kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở ( <i>Mẫu số 29 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
17	BM 17	Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư ( <i>Mẫu số 30 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT</i> )
18	BM 18	Phiếu thẩm định của thành viên hội đồng thẩm định/tổ thẩm

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
		định cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (Mẫu số 31 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)
19	BM 19	Bản nhận xét của thành viên đoàn kiểm tra/tổ kiểm tra cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở (Mẫu số 32 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)
20	BM 20	Văn bản thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư (Mẫu số 33 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)
21	BM 21	Giấy phép môi trường cấp lại (Mẫu số 40 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT)

#### V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018).
4	//	Theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ bổ sung và hồ sơ khác nếu có theo quy định hiện hành

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị quyết số 98/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ

môi trường.

- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

*(Xem tiếp Công báo số 331 + 332)*